**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 LỚP 11**

***Thời gian làm bài: 90 phút***

**1. Khung ma trận đề 100% tự luận- Lớp 11**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung kiến thức / Đơn vị kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | |  |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao | **Tổng**  **% điểm** |
|  | **Đọc** | Truyện thơ dân gian, truyện thơ Nôm | **3** | **2** | **1** |  | **60** |
| Truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại |
| Bi kịch |
| Kí, tuỳ bút hoặc tản văn |
| Thơ |
| Văn bản thông tin |
|  |  | Văn nghị luận |  |  |  |  |  |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội | **1\*** | **1\*** | **1\*** | **1\*** | **40** |
| Viết văn bản nghị luận về một đoạn trích/tác phẩm văn học hoặc một bộ phim, bài hát, bức tranh, pho tượng. |
| Viết bài thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận |
| Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội |
| **Tổng** | | | ***25%*** | ***25%*** | ***10%*** | ***40%*** | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **50 %** |  | **50%** |  |  |

**2. Bản đặc tả các mức độ kiểm tra, đánh giá định kì Ngữ văn, lớp 11**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức / Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số lượng câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | Tổng % |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| **1.** | **Đọc hiểu** | 1. Truyện thơ | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đề tài, câu chuyện, chi tiết tiêu biểu, nhân vật trong truyện thơ.  - Nhận biết được người kể chuyện trong truyện thơ.  - Nhận biết được ngôn ngữ độc thoại, đối thoại, độc thoại nội tâm và các biện pháp nghệ thuật trong truyện thơ.  - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện thơ.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện của tác phẩm / đoạn trích.  - Phân tích được đặc điểm, vai trò của của cốt truyện, nhân vật, chi tiết trong truyện thơ.  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa của ngôn ngữ, bút pháp nghệ thuật trong truyện thơ.  - Nêu được chủ đề (chủ đề chính và chủ đề phụ trong văn bản có nhiều chủ đề), tư tưởng, thông điệp của truyện thơ.  - Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả trong truyện thơ.  - Phân tích được một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện thơ.  - Phát hiện và lí giải được các giá trị nhân văn, triết lí nhân sinh từ truyện thơ.  **Vận dụng**:  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn của cá nhân đối với văn học và cuộc sống.  - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong truyện thơ.  **Vận dụng cao**:  - Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của truyện thơ.  - So sánh được sự giống và khác nhau giữa các văn bản truyện thơ; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn với tác phẩm. | 4 câu / 3 câu | 3 câu | 1 câu / 2 câu | 1 câu | 50 |
| 2. Truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại / hậu hiện đại. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đề tài, câu chuyện, sự kiện, chi tiết tiêu biểu, không gian, thời gian, nhân vật trong truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại.  - Nhận biết được người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất), lời người kể chuyện, lời nhân vật trong truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại.  - Nhận biết được điểm nhìn, sự thay đổi điểm nhìn; sự nối kết giữa lời người kể chuyện và lời của nhân vật.  - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại / hậu hiện đại.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện của truyện ngắn, tiểu thuyết.  - Phân tích, lí giải được mối quan hệ của các sự việc, chi tiết trong tính chỉnh thể của tác phẩm.  - Phân tích được đặc điểm, vị trí, vai trò của của nhân vật trong truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại; lí giải được ý nghĩa của nhân vật.  - Nêu được chủ đề (chủ đề chính và chủ đề phụ trong văn bản nhiều chủ đề) của tác phẩm.  - Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả thể hiện trong văn bản.  - Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của tác phẩm.  **Vận dụng**:  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm, cách nhìn của cá nhân với văn học và cuộc sống.  - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ văn bản.  **Vận dụng cao**:  - Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.  - So sánh được hai văn bản văn học cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn với tác phẩm. |
| 3. Bi kịch | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đề tài, cốt truyện, nhân vật, hệ thống nhân vật trong bi kịch.  - Nhận biết được mâu thuẫn, xung đột kịch trong bi kịch.  - Nhận biết lời thoại, lời chỉ dẫn sân khấu và hành động của nhân vật bi kịch.  - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong bi kịch.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được ý nghĩa, tác dụng của các yếu tố như cốt truyện, xung đột (xung đột bên trong và xung đột bên ngoài), ngôn ngữ, hành động kịch và mối quan hệ giữa các yếu tố này trong tính chỉnh thể của tác phẩm.  - Phân tích, đánh giá được đặc điểm, ý nghĩa của nhân vật bi kịch; phân tích, đánh giá được mối quan hệ giữa các nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.  - Nêu và lí giải được chủ đề; yếu tố “bi”, hiệu ứng thanh lọc của bi kịch.  - Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả trong văn bản; phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của vở kịch.  **Vận dụng**:  - Nêu được tác động của hiệu ứng thanh lọc trong bi kịch với bản thân.  - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong vở kịch.  **Vận dụng cao**:  - Đánh giá được tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn của bản thân về văn học, cuộc sống.  - Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.  - So sánh được hai văn bản văn học kịch có cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau. |
| 4. Kí, tuỳ bút, tản văn | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đề tài, cái tôi trữ tình, kết cấu của văn bản.  - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu.  - Nhận biết được các yếu tố tự sự và trữ tình; các yếu tố hư cấu và phi hư cấu trong văn bản.  - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong văn bản.  **Thông hiểu:**  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cái tôi trữ tình, giọng điệu và mối quan hệ giữa các yếu tố này trong văn bản.  - Phân tích được sự kết hợp giữa cốt tự sự và chất trữ tình; giữa hư cấu và phi hư cấu trong văn bản.  - Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản.  - Phân tích, lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của văn bản.  - Lí giải được tính đa nghĩa của ngôn ngữ nghệ thuật trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm của bản thân về cuộc sống hoặc văn học.  - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong văn bản.  **Vận dụng cao**:  - Đánh giá được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm của bản thân về văn học và cuộc sống. Đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.  - So sánh được hai văn bản cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau. |
| 5. Thơ | **Nhận biết:**  - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật trữ tình trong bài thơ.  - Nhận biết được cấu tứ, vần, nhịp, những dấu hiệu thể loại của bài thơ.  - Nhận biết được yếu tố tượng trưng (nếu có) trong bài thơ.  - Nhận biết được những biểu hiện của tình cảm, cảm xúc trong bài thơ.  - Nhận biết đặc điểm của ngôn từ nghệ thuật trong thơ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được ý nghĩa giá trị thẩm mĩ của ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ.  - Phân tích, lí giải được vai trò của yếu tố tượng trưng trong bài thơ (nếu có).  - Xác định được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ.  - Lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ.  - Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của bài thơ.  - Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong bài thơ.  **Vận dụng:**  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của bài thơ đối với quan niệm, cách nhìn của cá nhân về những vấn đề văn học hoặc cuộc sống.  - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ bài thơ.  **Vận dụng cao**:  - Đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ.  - Đánh giá được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tương trưng (nếu có) trong bài thơ.  - So sánh được hai văn bản thơ cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau.  - Mở rộng liên tưởng về vấn đề đặt ra trong bài thơ để hiểu sâu hơn bài thơ. |
| 6. Văn bản thông tin | **Nhận biết:P**  - Nhận biết được đề tài, thông tin chính của văn bản, các chi tiết tiêu biểu.  - Nhận biết được bố cục, mạch lạc, cách trình bày dữ liệu, thông tin của văn bản  **Thông hiểu:**  - Nêu nội dung bao quát của văn bản.  - Phân tích được mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.  - Lý giải được cách đặt nhan đề của tác giả.  - Phân tích được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Đánh giá được thái độ và quan điểm của người viết được thể hiện trong văn bản.  - Rút ra thông điệp, bài học từ nội dung văn bản  **Vận dụng cao**:  - Trình bày thái độ đồng ý hay không đồng ý với nội dung của văn bản hay quan điểm của người viết. |
| 7. Văn bản nghị luận | **Nhận biết:**  - Xác định được vấn đề nghị luận của văn bản.  - Xác định được các luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu, độc đáo được trình bày trong văn bản.  - Nhận biết các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản.  **Thông hiểu:**  - Xác định được mục đích, thái độ và tình cảm của người viết; thông điệp, tư tưởng của văn bản.  - Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản.  - Lý giải được cách đặt nhan đề; sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề văn bản.  - Phân tích được vai trò của các yếu tố thuyết minh hoặc miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận.  **Vận dụng:**  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn cá nhân về vấn đề nghị luận.  - Trình bày được quan điểm đồng tình hay không đồng tình với quan niệm của tác giả, nội dung chính của văn bản.  **Vận dụng cao:**  Liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học) của giai đoạn mà văn bản ra đời để đánh giá ý nghĩa, giá trị của văn bản. |
| 8. Văn bản thông tin | **Nhận biết:**  - Nhận biết được chi tiết, đề tài của văn bản.  - Nhận biết được thông tin, tri thức được trình bày trong văn bản.  - Nhận biết được bố cục; cách trình bày dữ liệu, các phương tiện biểu đạt thông tin của văn bản.  **Thông hiểu:**  - Lí giải, phân tích được mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin trong văn bản.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của cách đặt nhan đề văn bản.  - Chỉ ra và lí giải được mục đích, ý tưởng, thái độ, quan điểm của người viết thể hiện trong văn bản.  - Giải thích được tác dụng của bố cục, các yếu tố hình thức; cách sử dụng và trình bày dữ liệu của văn bản.  **Vận dụng:**  Thể hiện được thái độ đồng tình hay không đồng tình với nội dung văn bản, quan niệm của người viết.  **Vận dụng cao:**  Đánh giá được hiệu quả của việc sử dụng các yếu tố hình thức trong văn bản; đánh giá được mức độ đáng tin cậy, tính chính xác của thông tin, tri thức trong văn bản. |
| **3** | **Viết** | 1. Viết văn bản ghị luận về một vấn đề xã hội | **Nhận biết:**  **-** Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.  - Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết.  - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.  - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận.  - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng:**  - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội.  - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.  **Vận dụng cao:**  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,… để tăng sức thuyết phục cho bài viết.  - Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 11 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. | 1\* | 1\* | 1\* | 1 câu TL | 50 |
| 2. Nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một bộ phim, bài hát, bức tranh, pho tượng | **Nhận biết**:  - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, loại hình nghệ thuật,… của tác phẩm.  - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.  **Thông hiểu**:  - Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm nghệ thuật (bộ phim, bài hát, bức tranh, pho tượng).  - Phân tích được những biểu hiện riêng của loại hình nghệ thuật thể hiện trong tác phẩm (ví dụ, cốt truyện, vai diễn trong bộ phim; các yếu tố hình khối, đường nét trong tác phẩm điêu khắc; …).  - Nêu và nhận xét về nội dung, một số nét nghệ thuật đặc sắc.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm.  - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm).  **Vận dụng cao:**  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,… để tăng sức thuyết phục cho bài viết.  - Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 11 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. |
| 3. Viết văn bản thuyết minh | **Nhận biết:**  **-** Xác định được đúng yêu cầu về nội dung thuyết minh và hình thức của văn bản thuyết minh.  - Xác định được đúng mục đích, đối tượng của văn bản.  - Đảm bảo bố cục, cấu trúc của một văn bản thuyết minh.  **Thông hiểu:**  - Trình bày rõ nội dung thuyết minh; cấu trúc bài viết sáng rõ, ngôn ngữ tường minh, chính xác, cụ thể, khách quan.  - Đảm bảo sự phù hợp giữa ngôn từ, bố cục với nội dung, mục đích, đối tượng thuyết minh; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  - Bài viết có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.  **Vận dụng**:  Lồng ghép hợp lí các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận để tăng sức hấp dẫn cho văn bản.  **Vận dụng cao**:  Vận dụng hiệu quả những kiến thức về Tiếng Việt lớp 11 để tăng sức hấp dẫn, tính sinh động của nội dung thuyết minh. |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Tỉ lệ %*** |  | **30%** | **40%** | **20%** | **10%** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **70%** | | **30%** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 LỚP 11**

***Thời gian làm bài: 90 phút***

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

*Chao ôi! Hắn đã viết những gì? Toàn những cái vô vị, nhạt phèo, gợi những tình cảm rất nhẹ, rất nông, diễn một vài ý rất thông thường quấy loãng trong một thứ văn bằng phẳng và quá ư dễ dãi. Hắn chẳng đem một chút mới lạ gì đến văn chương. Thế nghĩa là hắn là một kẻ vô ích, một người thừa. Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có. Hắn nghĩ thế và buồn lắm! Còn gì buồn hơn chính mình lại chán mình? Còn gì đau đớn cho một kẻ vẫn khát khao làm một cái gì nâng cao giá trị đời sống của mình, mà kết cục chẳng làm được cái gì, chỉ những lo cơm áo mà đủ mệt? Hắn để mặc vợ con khổ sở ư? Hắn bỏ liều, hắn ruồng rẫy chúng, hắn hy sinh như người ta vẫn nói ư? Ðã một vài lần hắn thấy ý nghĩ trên đây thoáng qua đầu. Và hắn nghĩ đến câu nói hùng hồn của một nhà triết học kia: "Phải biết ác, biết tàn nhẫn để sống cho mạnh mẽ". Nhưng hắn lại nghĩ thêm rằng: Từ rất đáng yêu, rất đáng thương, hắn có thể hy sinh tình yêu, thứ tình yêu vị kỷ đi; nhưng hắn không thể bỏ lòng thương, có lẽ hắn nhu nhược, hèn nhát, tầm thường, nhưng hắn vẫn còn được là người: hắn là người chứ không phải là một thứ quái vật bị sai khiến bởi lòng tự ái. Kẻ mạnh không phải là kẻ giẫm lên vai kẻ khác để thỏa mãn lòng ích kỷ. Kẻ mạnh chính là kẻ giúp đỡ kẻ khác trên đôi vai mình. Và lại hèn biết bao là một thằng con trai không nuôi nổi vợ con thì còn mong làm nên trò gì nữa?...*

(Trích Đời thừa – Tuyển tập Nam Cao – tập 2 - NXB Văn học, 1999, tr. 8-9)

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1.** Văn bản trên thuộc mảng đề tài nào trong sáng tác của Nam Cao? (*0,75 điểm*)

**Câu 2.** Xác định ngôi kể của văn bản. (*0,75 điểm*)

**Câu 3.** Văn bản trên được trần thuật chủ yếu theo điểm nhìn của ai? (*1.0 điểm*)

**Câu 4.** Anh/chị hiểu như thế nào về cụm từ “Kẻ mạnh” trong câu “*Kẻ mạnh không phải là kẻ giẫm lên vai kẻ khác để thỏa mãn lòng ích kỷ. Kẻ mạnh chính là kẻ giúp đỡ kẻ khác trên đôi vai mình”.* (*1.0 điểm*)

**Câu 5.** Cho biết thái độ, tình cảm của người kể chuyện đối với nhân vật “hắn” trong văn bản. (*1.5 điểm*)

**Câu 6.** Thông điệp nào trong văn bản có ý nghĩa nhất đối với anh/chị? (Trình bày từ 3 - 5 câu) (*1.0 điểm*)

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Từ tri thức đọc hiểu và trải nghiệm của bản thân, anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ), trình bày suy nghĩ về những điều mà “kẻ mạnh” cần phải làm trong cuộc sống hiện nay.

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **4,0** |
|  | 1 | Đề tài: người trí thức nghèo ở thành thị.  *Hướng dẫn chấm:*  *- Học sinh trả lời như đáp án: 0.75 điểm.*  *- Học sinh trả lời người trí thức nghèo và người nông dân nghèo: 0.5 điểm*  *- Học sinh trả lời sai: 0 điểm* | 0,75 |
| 2 | Ngôi kể: ngôi thứ ba  *Hướng dẫn chấm:*  *- Học sinh trả lời như đáp án: 0.75 điểm.*  *- Học sinh trả lời sai: 0 điểm* | 0,75 |
| 3 | Văn bản trên được trần thuật chủ yếu theo điểm nhìn của nhân vật được kể *(hắn)*.  *Hướng dẫn chấm:*  *- Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm.*  *- Học sinh trả lời sai: 0 điểm* | 1,0 |
| 4 | “Kẻ mạnh” trong câu văn trên có thể được hiểu:  - là những người có tài năng, người giỏi giang họ dùng chính sự tài giỏi của mình để giúp đỡ người khác.  - không giẫm đạp, ức hiếp những kẻ yếu.  *Hướng dẫn chấm:*  *- Học sinh trả lời như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 1,0 điểm.*  *- Học sinh trả lời đúng 1 ý trong đáp án: 0,75 điểm.*  *- Học sinh trả lời sai: 0 điểm* | 1,0 |
|  | 5 | Thái độ, tình cảm của người kể chuyện đối với nhân vật “hắn” trong văn bản:  - trân trọng những khát vọng cao đẹp của nhân vật.  - đồng cảm, xót thương với bi kịch của nhân vật.  *Hướng dẫn chấm:*  *- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,5 điểm*  *- Học sinh trả lời đúng 1 ý trong đáp án: 1,,5 điểm.*  *- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm* | 1,5 |
|  | 6 | - Về hình thức học sinh đảm bảo đoạn văn từ 3-5 câu.  - Nội dung: Học sinh nêu được thông điệp và lí giải hợp lí  + Biết cảm thông và chia sẻ.  + Không ngừng sáng tạo trong cuộc sống.  ...    *Hướng dẫn chấm:*  *- Học sinh rút ra thông điệp có ý nghĩa và lí giải hợp li (1,0 điểm)*  *- Học sinh xác định được thông điệp nhưng diễn đạt mơ hồ không rõ ý (0,5 điểm)*  *Linh hoạt cho điểm nếu các em có cách trình bày hợp lí.* | 1,5 |
| II |  | VIẾT |  |
|  |  |  | 4,0 |
| *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề | 0,25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  - Về những điều mà “kẻ mạnh” cần phải làm trong cuộc sống hiện nay.  *Hướng dẫn chấm:*  *- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.*  - *Học sinh xác định không đúng vấn đề nghị luận: 0 điểm.* | 0,5 |
| c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:  - “Kẻ mạnh” là những người có tài năng, người giỏi giang họ dùng chính sự tài giỏi của mình để giúp đỡ người khác.  - Những việc “kẻ mạnh” cần làm trong cuộc sống hiện nay:  + Học tập, rèn luyện, biết hướng đến những điều tốt đẹp trong cuộc sống.  + Biết lên án cái xấu, không giẫm đạp lên kẻ yếu.  + Yêu thương, giúp đỡ kẻ yếu.  + Lan tỏa những điều tốt đẹp, những giá trị tích cực trong cuộc sống.  + ...  - Phê phán những người dùng sức mạnh, quyền lực để ức hiếp người khác; những người sống ích kỉ, vô cảm,...  - Bài học: nhận thức được những việc làm ý nghĩa trong cuộc sống; rèn luyện bản thân để suy nghĩ và hành động tích cực.  *Hướng dẫn chấm:*  *- Suy nghĩ đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm.*  *- Suy nghĩ chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,25 điểm – 2,0*  *điểm.*  *- Bài làm chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 1,0 điểm.* . | 2,5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.*  *Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá*  *nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,25 |
| *e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận;*  *có cách diễn đạt mới mẻ.* | 0,5 |
| Tổng | | | 10 |